

Bản án số: 58/2024/DS-PT

Ngày: 28/6/2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tân và ông Nguyễn Văn Lâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2023/TLPT-DS ngày 05/10/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐXXPT-DS ngày 05/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa và Thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn K, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Thanh N - Luật sư của Văn phòng luật sư Chu Văn C. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1955; địa chỉ: Số B T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1 - Luật sư văn phòng luật sư Tâm Đức P. (Có mặt)

3. Người làm chứng:

- 3.1. Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
- 3.2. Chị **Nguyễn Thái N2**, sinh năm 1973. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
4. Người kháng cáo: Ông **Lê Thanh B** – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Do quen biết và tin tưởng nhau nên ông đã nhiều lần cho ông **Lê Thanh B** vay tiền. Những lần ông **B** nhận tiền vay bằng tiền mặt thì ông **B** có viết giấy vay tiền, cam kết trả nợ cho ông. Những lần tiền vay chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông **B** thì ông không yêu cầu ông **B** phải viết giấy vay tiền. Các khoản tiền vay đều đã quá hạn thanh toán nhưng ông **B** chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **B** phải thanh toán cho ông tổng số tiền nợ là 8.990.500.000đ, gồm các khoản tiền như sau:

- Số tiền 1.625.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 16/6/2020.
- Số tiền 500.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 07/8/2020.
- Số tiền 500.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 10/8/2020.
- Số tiền 400.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 22/8/2020.
- Số tiền 1.500.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 31/8/2020.
- Số tiền 1.100.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020.
- Số tiền 900.000.000đ do ông nhờ chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị **Nguyễn Thái N2** đến tài khoản số 19034302557996 của ông **B** mở tại **Ngân hàng T1** vào ngày 15/6/2020.
- Số tiền 30.000.000đ chuyển từ tài khoản của chị **Nguyễn Thái N2** đến tài khoản số 19034302557996 của ông **B** mở tại **Ngân hàng T1** vào ngày 24/7/2020.
- Số tiền 600.000.000đ do ông nhờ chị **Lê Thị L** đến ngân hàng chuyển tiền mặt vào tài khoản số 155108409 của ông **B** mở tại **Ngân hàng A** vào ngày 26/8/2020.
- Số tiền 92.500.000đ chuyển từ tài khoản của ông tới tài khoản số 155108409 của ông **B** mở tại **Ngân hàng A** vào ngày 01/9/2020.
- Số tiền 400.000.000đ chuyển từ tài khoản của ông tới tài khoản số 19034302557996 của ông **B** mở tại **Ngân hàng T1** ngày 29/10/2020.

- Số tiền 1.343.000.000đ ông **B** còn nợ ông theo giấy ghi chép ngày 02/7/2021 do chính ông **B** cung cấp cho Tòa án.

Ông và ông **B** thỏa thuận miệng về việc tính lãi đối với các khoản tiền vay có thời điểm là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, có thời điểm là 1.500đ/1 triệu/1 ngày và có thời điểm là 1.000đ/1 triệu/1 ngày. Ông **B** đã thanh toán cho ông tổng số tiền lãi là **4.813.936.000đ**. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/5/2023, ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.625.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 16/6/2020 và số tiền 30.000.000đ do chị **N2** chuyển vào tài khoản của ông **B** ngày 24/7/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông yêu cầu ông **B** phải thanh toán tổng số tiền nợ là **3.689.000.000đ** và tiền lãi từ ngày vay đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với mức lãi suất 20%/năm.

*Tại các văn bản ghi ý kiến và quá trình làm việc với Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông **Lê Thanh B** trình bày:* Ông có vay của ông **T** số tiền **4.000.000.000đ** theo 05 giấy vay tiền, cam kết trả nợ ngày 07/8/2020, ngày 10/8/2020, ngày 22/8/2020, ngày 31/8/2020 và ngày 30/10/2020. Tại các giấy vay tiền không thỏa thuận về việc trả lãi nhưng thực tế ông đã thực hiện việc trả lãi theo yêu cầu của ông **T** với mức lãi suất không cố định, có thời điểm là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, có thời điểm là 1.500đ/1 triệu/1 ngày và có thời điểm là 1.000đ/1 triệu/1 ngày. Việc trả lãi được thực hiện từ khi vay đến tháng 8/2022.

Số tiền 900.000.000đ do chị **Nguyễn Thái N2** chuyển vào tài khoản của ông ngày 15/6/2020 không phải là tiền ông **T** cho ông vay mà là tiền ông **T** đầu tư kinh doanh cùng ông tại **Công ty I** và là một phần trong tổng số tiền 1.625.000.000đ theo “Giấy vay tiền” ngày 16/6/2020.

Số tiền 600.000.000đ do chị **Lê Thị L** chuyển vào tài khoản của ông ngày 26/8/2020 và số tiền 92.500.000đ do ông **T** chuyển vào tài khoản của ông ngày 01/9/2020 đều nằm trong tổng số tiền vay 1.500.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 31/8/2020. Vì trước đó ông **T** đồng ý cho ông vay 1.500.000.000đ nhưng vì không đủ tiền mặt nên phải chuyển một phần tiền vay vào tài khoản của ông. Sau khi nhận được số tiền 600.000.000đ do chị **L** chuyển thì ông viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 31/8/2020 cho ông **T**, số tiền còn thiếu thì ông **T** chuyển khoản cho ông sau.

Số tiền 400.000.000đ do ông **T** chuyển vào tài khoản của ông ngày 29/10/2020 là khoản tiền nằm trong tổng số tiền vay 1.100.000.000đ theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020 vì khi ông **T** cho ông vay số tiền 1.100.000.000đ thì ông **T** vừa đưa tiền mặt, vừa chuyển khoản cho ông. Sau khi nhận đủ số tiền vay 1.100.000.000đ thì ông viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020 cho ông **T**.

Số tiền 1.343.000.000đ theo giấy ghi ngày 02/7/2021 không phải là tiền nợ gốc mà là khoản tiền lãi do ông **T** tự tính và ông phải tiếp tục trả cho ông **T**.

Ông đã thanh toán xong toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho ông **T** với tổng số tiền là **4.876.360.000đ** gồm: Thanh toán qua tài khoản ngân hàng của ông **T** tổng số tiền là 1.940.360.000đ; thanh toán bằng tiền mặt cho ông **T** trực tiếp nhận và chị **N2** nhận hộ ông **T** tổng số tiền là 2.936.000.000đ. Vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T**.

Người làm chứng là chị Lê Thị L trình bày: Ngày 26/8/2020, ông **T** nhờ chị ra ngân hàng chuyển số tiền mặt 600.000.000đ vào tài khoản số 155108409 của ông **B** nhưng không nói gì về giao dịch giữa hai bên nên chị không biết số tiền 600.000.000đ ông **T** nhờ chị chuyển cho ông **B** để làm gì.

Người làm chứng là chị Nguyễn Thái N2 trình bày: Vào khoảng năm 2020, có một số lần chị trực tiếp chứng kiến ông **T** giao tiền mặt cho ông **B** vay, ông **B** viết giấy vay tiền cho ông **T** và hai bên có nhờ chị ký chứng kiến nhưng chị không nhớ chi tiết thời gian, không nhớ số tiền ông **T** giao cho ông **B** là bao nhiêu. Tuy nhiên cũng có lần chị không trực tiếp chứng kiến việc hai bên giao nhận tiền với nhau mà chỉ được ông **T**, ông **B** kể lại chuyện cho nhau vay tiền và nhờ chị ký làm chứng vào giấy vay tiền. Nội dung giấy vay tiền là do ông **B** tự viết và đưa cho chị, ông **T** ký tên. Mặc dù tại các giấy vay tiền có chữ ký làm chứng của chị, hai bên không thỏa thuận việc trả lãi nhưng thực tế qua các buổi gặp mặt nói chuyện thì chị biết ông **B** vẫn trả lãi cho ông **T** nhưng không biết số tiền lãi ông **B** trả cho ông **T** là bao nhiêu, không biết các bên thỏa thuận về mức lãi suất như thế nào. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị xác định chứng kiến ông **T** giao tiền mặt cho ông **B** xong thì ông **B** nhờ chị viết hộ giấy vay tiền ngày 16/6/2020; số tiền 900.000.000đ chị chuyển vào tài khoản của ông **B** ngày 15/6/2020 là tiền ông **T** cho ông **B** vay và không liên quan đến số tiền 1.625.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 16/6/2020. Ông **T** đã thanh toán cho chị toàn bộ số tiền 900.000.000đ nói trên.

Tại Bản án sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 11/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 244, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử buộc ông **B** phải thanh toán cho ông **T** tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 11/8/2023 là **3.040.023.000đ** gồm tiền nợ gốc = 2.008.735.000đ; tiền nợ lãi = 1.031.288.000đ. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông **T** buộc ông **B** phải trả số tiền 648.977.000đ. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét

xử phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút và tuyên lỗi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 24/8/2023, ông **Lê Thanh B** kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn chỉ vay số tiền của nguyên đơn theo 5 giấy vay tiền và cam kết trả nợ. Bị đơn đã thực hiện trong nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Ngày 03/5/2022, bị đơn có viết giấy cam kết có nội dung cam kết cuối tháng 6 đến đầu tháng 7 trả ít nhất 2.500.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn viết giấy này vì lý do áp lực từ nguyên đơn và bị đơn muốn giữ gìn hình ảnh của bản thân, không muốn gia đình và mọi người xung quanh đánh giá. Số tiền bị đơn nhận được thông qua chuyển khoản ngân hàng 1.992.5000 đồng, theo bị đơn đây không phải là khoản vay độc lập mà số tiền này đã được ghi nhận trong các giấy vay tiền và cam kết trả nợ.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều quan hệ vay tiền. Việc vay tiền được thực hiện bằng phương thức cho vay tiền mặt và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Khi cho vay bằng tiền mặt thì hai bên có ghi nhận bằng giấy vay tiền và cam kết trả nợ, không thể có việc chưa nhận đủ tiền mà bị đơn lại ký xác nhận được; khi vay qua việc chuyển khoản ngân hàng thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ký xác nhận vì tài liệu chuyển khoản tại ngân hàng đã là bằng chứng xác thực khoản vay. Nguyên đơn thống nhất với bị đơn về số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn và trình bày việc hai bên có thỏa thuận bên ngoài về lãi suất nhưng nhiều lần nguyên đơn đã bớt số tiền lãi cho bị đơn. Nguyên đơn nhất trí về việc bị đơn đã thanh toán xong số tiền phải trả cho nguyên đơn theo 05 giấy vay tiền và cam kết trả nợ. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền vay theo phương thức chuyển khoản ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, theo vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Có căn cứ xác định bị đơn vay nguyên đơn số tiền theo các giấy vay tiền và cam kết trả nợ và số tiền chuyển khoản ngân hàng. Bị đơn cho rằng số tiền bị đơn nhận qua chuyển khoản đã được thể hiện trong 05 giấy vay tiền và cam kết trả nợ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo trình bày của bị đơn thì ngày 03/5/2022, bị đơn đã không còn nợ nguyên đơn nhưng thực tế vào ngày này, bị đơn có viết giấy cam kết trả cho nguyên đơn ít nhất 2.500.000.000 đồng. Bị đơn trình bày viết giấy cam kết này do nguyên đơn thúc ép, yêu cầu trả nợ nhưng không đưa ra được căn cứ chứng

minh. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền đã chuyển khoản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy*:

[2.1] *Về số tiền vay thể hiện tại các giấy vay tiền và cam kết trả nợ*:

Các đương sự thống nhất xác nhận số tiền **4.000.000.000đ** theo các giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 07/8/2020, ngày 10/8/2020, ngày 22/8/2020, ngày 31/8/2020, ngày 30/10/2020 là tiền ông **T** cho ông **B** vay. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất xác nhận đối với các khoản vay này các bên có thỏa thuận bên ngoài về lãi suất và thực tế bị đơn đã thanh toán gốc, lãi cho nguyên đơn. Hai bên thống nhất xác định số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là trả cho các nghĩa vụ phát sinh từ các giấy vay tiền và cam kết trả nợ này và bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

[2.2] *Về số tiền 1.992.000.000 đồng chuyển khoản ngân hàng*:

Các đương sự thống nhất xác định có việc nguyên đơn trực tiếp hoặc thông qua người khác chuyển số tiền **1.992.500.000đ** vào tài khoản của ông **B** (gồm 900.000.000đ do chị **Nguyễn Thái N2** chuyển ngày 15/6/2020; 600.000.000đ do chị **Lê Thị L** chuyển ngày 26/8/2020; 92.500.000đ do ông **T** chuyển ngày 01/9/2020 và 400.000.000đ do ông **T** chuyển ngày 20/10/2020).

Ông **B** cho rằng đây không phải là khoản tiền vay độc lập mà nằm trong số tiền vay theo các giấy vay tiền ngày 16/6/2020, ngày 31/8/2020, ngày 30/10/2020 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, chị **N2** xác nhận số tiền 900.000.000đ là do ông **T** nhờ tài khoản của chị để chuyển cho ông **B**. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thời gian chuyển tiền vào tài khoản của ông **B** đều khác biệt so với thời gian viết giấy vay tiền. Mặt khác theo lời ông **B** trình bày đã trả hết nợ gốc và lãi cho ông **T** theo 05 giấy vay tiền và cam kết trả nợ với tổng số tiền 4.876.360.000đ nhưng ngày 03/5/2022, chính ông **B** đã viết giấy cam kết có nội dung trả cho ông **T** số tiền 2.500.000.000đ. Ngoài ra ông **B** còn hứa hẹn chuyển nhượng cổ phần công ty cho ông **T** để trừ nợ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở xác định số tiền 1.992.500.000đ là khoản tiền độc lập ông **T** đã chuyển cho ông **B**, không nằm

trong số tiền vay tại các giấy vay tiền đã xác lập giữa hai bên và ông **B** chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông **T**.

[2.3] *Về số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn:*

Như phân tích tại mục [2.1] và [2.2] thì hai bên thống nhất bị đơn đã thực hiện xong các nghĩa vụ phát sinh từ 05 giấy vay tiền; còn số tiền chuyển khoản 1.992.500.000đ là ông **T** đã chuyển cho ông **B** không nằm trong 05 giấy vay tiền. Đối với số tiền chuyển khoản này, ông **T** cho rằng là tiền ông cho ông **B** vay, hai bên có thỏa thuận ngoài về lãi suất như những khoản nợ được thể hiện trên giấy vay tiền và cam kết trả nợ. Ông **B** phủ nhận việc xác định đây là khoản vay độc lập và ông **T** không xuất trình được tài liệu chứng cứ về việc hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy hội đồng xét xử nhận định không có căn cứ xác định khoản vay thông qua chuyển khoản các đương sự có thỏa thuận về lãi suất. Tại phần tranh luận phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện không tính lãi đối với khoản vay bằng phương thức chuyển khoản là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[3] *Về án phí:* Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí là có căn cứ, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không tính lãi đối với số tiền 1.992.500.000 đồng nên mặc dù xác định lại số tiền phải trả của bị đơn đối với nguyên đơn nhưng nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không thay đổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông **Lê Thanh B** phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông **Nguyễn Văn T** tổng số tiền 1.992.500.000 đồng (một tỷ chín trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 29.959.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 106.468.000 đồng (gồm 56.813.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002505 ngày 29/12/2022 và 49.655.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002837 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương), ông T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả ông T số tiền 76.509.000 đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm không chín nghìn đồng). Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Thanh B.

2.2. Ông Lê Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- Chi cục THADS TP.H;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng